TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thành Hiếu

2/ Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023, về việc "*Ly hôn"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1973

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: thôn B, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2023, bản khai của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S cưới nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 945 ngày 07/3/1994. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông S bỏ bê gia đình, chơi bời không lo làm ăn, gây ra nợ nần chồng chất và còn quan hệ

bất chính với người phụ nữ khác. Vì thương các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng, khuyên ngăn ông S nhưng ông S vẫn chứng nào tật nấy không hề thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay các con đã trưởng thành, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/8/1994. Hiện nay con đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do ông Nguyễn Văn S vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn S. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Bình Lâm, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng*:* Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được tống đạt các văn bản tố tụng và được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông S tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn S.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính theo Giấy chứng nhận kết hôn số 945 ngày 07/3/1994. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê

Thị Hồng T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bà T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, ông S bỏ bê gia đình, chơi bời không lo làm ăn, gây ra nợ nần chồng chất và còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vì thương các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng, khuyên ngăn ông S nhưng ông S vẫn chứng nào tật nấy, không hề thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay các con đã trưởng thành, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Xét mâu thuẫn của bà T và ông S đã trầm trọng, thể hiện trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà T cương quyết đề nghị được ly hôn; khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của bà T thì ông S không có ý kiến hay tác động gì để hàn gắn gia đình mà bỏ mặc; khi tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì ông S vắng mặt không tham dự hòa giải. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn S thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống chung. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hồng T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/8/1994. Hiện nay đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Bà Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hồng T. Bà Lê Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Con đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà T đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014376 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/5/2023). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND xã Hàm Chính – Huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Kim Hoa